

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2018  
KẾ HOẠCH NĂM 2019 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2018		Kế hoạch năm 2019
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:</b>				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	3.471.025	3.656.588	3.568.217
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	2.905.404	2.952.015	2.894.315
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	547.406	684.815	652.606
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	1.200.000	1.709.304	1.236.000
<b>II</b>	<b>TIỀN LƯƠNG:</b>				
1	Lao động kế hoạch	Người	93		93
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		89	
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	5.903	6.030	7.395
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	15.118		16.889
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		16.477	
6	Năng suất lao động bình quân kế hoạch theo Tổng doanh thu - Tổng CP (chưa có lương)	Tr.đồng/năm	6.082		7.246
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện theo Tổng doanh thu - Tổng CP (chưa có lương)	Tr.đồng/năm		7.917	
8	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng			
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	16.872		18.848
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		17.598	
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		3.133	
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng		21.323	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Hải

Biên Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Đức